

Số: 26

Ngày 01/7/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 26 xin giới thiệu các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Kết luận số 83-KL/TW của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024. Cụ thể, thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng (tăng 30%); thực hiện chế độ tiền thưởng (quỹ tiền thưởng bằng 10% quỹ lương cơ bản); điều chỉnh tăng 15% mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hiện hưởng.

➤ Nghị định 69/2024/NĐ-CP công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên đã được cấp thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước còn hiệu lực được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02; công dân Việt Nam từ đủ 6 tuổi đến dưới 14 tuổi đã được cấp thẻ căn cước được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 khi có nhu cầu. Công dân Việt Nam dưới 6 tuổi đã được cấp thẻ căn cước được cấp tài khoản định danh mức độ 01 khi có nhu cầu.

➤ Nghị định 70/2024/NĐ-CP quy định thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước như sau: Công dân đến cơ quan quản lý căn cước đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

➤ Bản tin tuần này xin giới thiệu đến các đơn vị 02 văn bản trên bàn soạn thảo: Dự thảo Nghị định quy định nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng và dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 74/2020/TT-BCA ngày 01/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu.

Trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TỪ NGÀY 01/7/2024, LƯƠNG CƠ SỞ TĂNG LÊN 2,34 TRIỆU ĐỒNG

Ngày 21/6/2024, Ban chấp hành Trung ương ban hành Kết luận số 83-KL/TW, Kết luận của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024.

Theo đó, Bộ Chính trị giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Chính phủ thực hiện cải cách tiền lương khu vực công theo lộ trình, từng bước, hợp lý, thận trọng, khả thi. Cụ thể, thực hiện 7 nội dung sau: Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng (tăng 30%) kể từ ngày 01/7/2024; thực hiện chế độ tiền thưởng từ ngày 01/7/2024 (quỹ tiền thưởng bằng 10% quỹ lương cơ bản); Hoàn thiện chế độ nâng lương phù hợp với việc chuyển đổi quản lý và trả lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; quy định và hướng dẫn rõ 5 nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương (từ nguồn tăng thu và nguồn dư của địa phương đã bố trí cho cải cách tiền lương các năm trước chuyển sang; từ nguồn ngân sách trung ương; từ một phần nguồn thu sự nghiệp; từ 10% tiết kiệm tăng thêm chi thường xuyên; từ nguồn do thực hiện tinh giản biên chế); hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập; thực hiện tiền lương và thu nhập của các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng cơ chế; sửa đổi, bổ sung một số chế độ phụ cấp.

Thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024. Điều chỉnh tăng 15% mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hiện hưởng (tháng 6/2024); đối với người đang hưởng lương hưu trước năm 1995 nếu sau khi điều chỉnh mà có mức hưởng thấp hơn 3,2 triệu đồng/tháng thì điều chỉnh tăng 0,3 triệu đồng/tháng, có mức hưởng từ 3,2 triệu đồng/tháng đến dưới 3,5 triệu đồng/tháng thì điều chỉnh để bằng 3,5 triệu đồng/tháng; điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công theo mức chuẩn trợ cấp từ 2.055.000 đồng lên 2.789.000 đồng/tháng (tăng 35,7%), giữ nguyên tương quan hiện hưởng các mức trợ cấp ưu đãi người có công so với mức chuẩn trợ cấp; điều chỉnh trợ cấp xã hội theo mức chuẩn trợ giúp xã hội từ 360.000 đồng lên 500.000 đồng/tháng (tăng 38,9%). Ngoài chi cho cải cách tiền lương, Bộ Chính trị thống nhất việc báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc mở rộng phạm vi sử dụng nguồn tích lũy cải cách chính sách tiền lương của ngân sách trung ương và địa phương để chi cho việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội, chính sách an sinh xã hội và tinh giản biên chế.

Đối với các chính sách, chế độ có thời gian thực hiện từ ngày 01/7/2024, nếu các văn bản ban hành sau ngày 01/7/2024 thì được truy lĩnh từ ngày 01/7/2024.

2. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ NƠI NỘP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY THÔNG HÀNH

Ngày 25/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 67/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 76/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và Nghị định 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động.

Nghị định này quy định về nơi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành như sau: Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Campuchia trực tiếp nộp hồ sơ tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có chung đường biên giới với Campuchia nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

Người đề nghị cấp giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào nộp hồ sơ như sau: Công dân Việt Nam thường trú tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào trực tiếp nộp hồ sơ tại Công an cấp xã nơi thường trú hoặc Công an cấp huyện nơi thường trú hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc

Cổng Dịch vụ công Bộ Công an; công dân Việt Nam không thường trú ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào nhưng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh có chung đường biên giới với Lào trực tiếp nộp hồ sơ tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp người đó làm việc có trụ sở hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định 76/2020/NĐ-CP trực tiếp nộp hồ sơ tại Công an cấp xã nơi thường trú hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

Người đề nghị cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định 76/2020/NĐ-CP trực tiếp nộp hồ sơ tại Công an cấp huyện nơi cơ quan người đó làm việc có trụ sở hoặc trên môi trường điện tử tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

Bổ sung thêm phạm vi cung cấp, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh như sau: Các cơ quan Đảng, Quốc hội được đề nghị cung cấp thông tin về xuất nhập cảnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh của cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan

để phục vụ công tác quản lý cán bộ theo quy định.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 09/8/2024.

3. CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ CỦA THUÊ BAO CẤP MỚI CÓ HIỆU LỰC TỐI ĐA 05 NĂM

Ngày 25/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 68/2024/NĐ-CP quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cung cấp bao gồm: Tạo và phân phối các cặp khóa; cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; thay đổi nội dung thông tin của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật; công bố và duy trì trực tuyến cơ sở dữ liệu về chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; kiểm tra chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ trực tuyến; cấp dấu thời gian.

Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ như sau: Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thời hạn có hiệu lực là 20 năm; chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của thuê bao cấp mới thời hạn có hiệu lực tối đa là 05 năm; chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của thuê bao được gia hạn thời hạn có hiệu lực được gia hạn tối đa là 03 năm.

Đối với chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra hộ chiếu có gắn chip điện tử, thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký số theo quy định tại Điều 23 Nghị định 68/2024/NĐ-CP. Đối với chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ phục vụ phát hành, kiểm tra thẻ căn cước có gắn chip điện tử, thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký số theo quy định tại Điều 26 Nghị định 68/2024/NĐ-CP.

Điều kiện gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ: Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ chỉ được đề nghị gia hạn 01 lần và phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 30 ngày; cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phải có văn bản đề nghị gia hạn chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2024.

4. TRẺ DƯỚI 14 TUỔI ĐƯỢC CẤP TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ RIÊNG TỪ NGÀY 01/7/2024

Ngày 25/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2024/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử.

Theo đó, cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử như sau: Đối với công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên đã được cấp thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước còn hiệu lực được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02; công dân Việt Nam từ đủ 6 tuổi đến dưới 14 tuổi đã được cấp thẻ căn cước được cấp tài khoản

định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 khi có nhu cầu. Công dân Việt Nam dưới 6 tuổi đã được cấp thẻ căn cước được cấp tài khoản định danh mức độ 01 khi có nhu cầu; đối với người nước ngoài từ đủ 06 tuổi trở lên đã được cấp thẻ thường trú, thẻ tạm trú tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01, tài khoản định danh điện tử mức độ 02 khi có nhu cầu. Người nước ngoài dưới 06 tuổi được cấp thẻ thường trú, thẻ tạm trú tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01 khi có nhu cầu; đối với cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử không phân biệt theo mức độ.

Trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01 đối với công dân Việt Nam: Công dân sử dụng thiết bị số tải và cài đặt Ứng dụng định danh quốc gia; công dân sử dụng Ứng dụng định danh quốc gia để nhập thông tin về số định danh cá nhân, số thuê bao di động chính chủ, địa chỉ thư điện tử của công dân (nếu có); kê khai thông tin theo hướng dẫn trên Ứng dụng định danh quốc gia; thu nhận ảnh khuôn mặt thông qua thiết bị số và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử; cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành kiểm tra, xác thực thông tin công dân đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử và thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc qua số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử; người đại diện, người

giám hộ sử dụng số thuê bao di động chính chủ và tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của mình để kê khai, đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 01 cho người dưới 14 tuổi, người được giám hộ, người được đại diện thông qua Ứng dụng định danh quốc gia.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

5. THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ CĂN CƯỚC MỚI TỪ NGÀY 01/7/2024

Ngày 25/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước như sau: Công dân đến cơ quan quản lý căn cước đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi; trường hợp thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa có hoặc có sai sót thì người tiếp nhận thực hiện việc điều chỉnh thông tin theo quy định tại Điều 6 Nghị định 70/2024/NĐ-CP trước khi đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước; trường hợp thông tin của công dân chính xác, người tiếp nhận đề nghị

cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước trích xuất thông tin về công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, sau khi xác định thông tin người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là chính xác thì thực hiện trình tự thủ tục cấp thẻ căn cước theo quy định tại Điều 23 Luật Căn cước 2023.

Công dân đề nghị thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước hoặc qua ứng dụng định danh quốc gia.

Thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói được thu thập vào Cơ sở dữ liệu căn cước phải đáp ứng điều kiện sau: Cơ quan, tổ chức xét nghiệm, phân tích, tạo lập dữ liệu phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Công an hướng dẫn; thông tin tạo lập phải bảo đảm giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu; bảo đảm xác định duy nhất công dân đó trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.

6. 08 HÀNG HÓA, DỊCH VỤ PHẢI ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT TRONG LĨNH VỰC BÁO CHÍ

Ngày 14/6/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư 05/2024/TT-BTTTT hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà

Ngày 20/6/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 07/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Cụ thể, danh mục 08 sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu gồm: Cung cấp điện phục vụ mục đích sinh hoạt; cung cấp nước sinh hoạt; truyền hình trả tiền; dịch vụ viễn thông di động mặt đất (dịch vụ thoại, dịch vụ nhắn tin, dịch vụ truy nhập Internet); dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ thoại, dịch vụ truy nhập Internet); vận chuyển hành khách đường hàng không; vận chuyển hành khách đường sắt; mua bán căn hộ chung cư.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ 01/7/2024.

nước trong lĩnh vực báo chí thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật phải căn cứ vào danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước được cơ quan có thẩm quyền ban hành; quy định của pháp luật hiện hành về chế độ làm việc của người lao động; điều

kiện thực tế hoạt động của đơn vị về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật, năng lực trình độ tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ công của đơn vị; số liệu thống kê, số liệu khảo sát thực tế và các tài liệu có liên quan đến nội dung xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng.

Các phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật: Phương pháp thống kê, tổng hợp là phương pháp căn cứ số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo (số liệu thống kê phải đảm bảo độ tin cậy, tính pháp lý trong thời gian tối thiểu ba năm liên tục liên kê thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật) và dựa vào kinh nghiệm thực tế hoặc các thông số so sánh để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Phương pháp so sánh là phương pháp căn cứ vào các định mức của công việc, sản phẩm, dịch vụ tương đương đã có hoặc đã thực hiện trong thực tế để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Phương pháp tiêu chuẩn là phương pháp căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị, vật tư để xây dựng định mức lao động, định mức máy móc, thiết bị, vật tư cho từng công việc hoặc nhóm công việc.

- Phương pháp phân tích thực nghiệm là phương pháp tổ chức khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc được tiến hành trong điều kiện tổ chức – kỹ thuật hiện đại của đơn vị, căn cứ kết quả khảo sát, thực nghiệm để phân tích,

tính toán từng yếu tố cấu thành định mức. Phương pháp tổng hợp là phương pháp kết hợp trong số các phương pháp quy định trên.

Thành phần của định mức kinh tế - kỹ thuật: Định mức lao động là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công; định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu cần thiết để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công theo quy định; định mức máy móc, thiết bị là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định của đơn vị hoặc của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024.

8. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG TỪ NGÀY 15/8/2024

Ngày 25/6/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 08/2024/TT-NHNN quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.

Theo đó, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (TTLNH) là hệ thống tổng thể bao gồm: Trung tâm Xử lý Quốc gia; trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng; phần mềm cài đặt tại các thành viên và đơn vị thành viên để xử lý các lệnh thanh toán.

Hoạt động của Trung tâm Xử lý Quốc gia bao gồm: Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ điện tử; thực hiện xử lý các lệnh thanh toán hợp lệ, lệnh hủy lệnh thanh toán hợp lệ; thông báo theo yêu cầu về lệnh thanh toán và kết quả xử lý lệnh thanh toán cho các thành viên, đơn vị thành viên liên quan đến lệnh thanh toán đó; đối chiếu lệnh thanh toán với các thành viên, đơn vị thành viên trong Hệ thống TTLNH Quốc gia; từ chối thực hiện thanh toán các lệnh thanh toán không hợp lệ, lệnh hủy lệnh thanh toán không hợp lệ, lệnh thanh toán gửi sau thời điểm Hệ thống TTLNH Quốc gia ngừng nhận lệnh thanh toán; từ chối thực hiện thanh toán các lệnh thanh toán giá trị cao, lệnh thanh toán bằng ngoại tệ đối với các thành viên không đủ khả năng thanh toán của loại tiền tương ứng...

Chứng từ sử dụng trong TTLNH bao gồm: Chứng từ sử dụng trong TTLNH là chứng từ bằng giấy hoặc dưới dạng chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chứng từ kế toán; cơ sở để lập lệnh thanh toán là các chứng từ sử dụng trong TTLNH; lệnh thanh toán được lập dưới dạng chứng từ điện tử theo đúng mẫu, đáp ứng các chuẩn dữ liệu do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Quy định về sử dụng dịch vụ thanh toán: Lệnh thanh toán bằng đồng Việt Nam có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên phải sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao; lệnh thanh toán bằng đồng Việt Nam có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng có thể sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao hoặc dịch vụ thanh toán giá trị thấp;

lệnh thanh toán bằng ngoại tệ phải sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2024.

9. MẪU THẺ CĂN CƯỚC MỚI

Ngày 15/5/2024, Bộ Công an ban hành Thông tư 16/2024/TT-BCA quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

Mặt trước thẻ căn cước cấp cho công dân Việt Nam dưới 06 tuổi gồm các thông tin sau: Từ trái qua phải, từ trên xuống dưới: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; dòng chữ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM, Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ CĂN CƯỚC; IDENTITY CARD; biểu tượng chip điện tử; Số định danh cá nhân/Personal identification number; Họ, chữ đệm và tên khai sinh/Full name; Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality.

Mặt trước thẻ căn cước cấp cho công dân Việt Nam từ đủ 06 tuổi trở lên gồm các thông tin sau: Từ trái qua phải, từ trên xuống dưới: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; dòng chữ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM, Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ CĂN CƯỚC; IDENTITY CARD; biểu tượng chip điện tử; ảnh khuôn mặt của người được cấp thẻ căn cước; Số định danh cá nhân/Personal identification

number; Họ, chữ đệm và tên khai sinh/Full name; Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality.

Mặt sau thẻ căn cước cấp cho công dân Việt Nam dưới 06 tuổi và thẻ căn cước cấp cho công dân Việt Nam từ đủ 06 tuổi trở lên gồm các thông tin từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, như sau: Nơi cư trú/Place of residence; nơi đăng ký khai sinh/Place of birth; chip điện tử; mã QR; ngày, tháng, năm cấp/Date of

issue; ngày, tháng, năm hết hạn/Date of expiry; BỘ CÔNG AN/MINISTRY OF PUBLIC SECURITY; dòng MRZ.

So với mẫu thẻ Căn cước công dân trước đây, mẫu thẻ Căn cước mới đã không còn ô dấu vân tay, bổ sung nơi đăng ký khai sinh của công dân và đổi mã QR từ mặt trước sang mặt sau của thẻ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VIỆC KIỂM SOÁT XUẤT NHẬP CẢNH ĐỐI VỚI CÔNG DÂN VIỆT NAM TẠI CỬA KHẨU

Nhằm cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, giảm thời gian làm thủ tục kiểm soát xuất nhập cảnh, Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 74/2020/TT-BCA ngày 01/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu.

Dự thảo đề xuất nhiệm vụ của đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh là kiểm tra xác định tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ xuất nhập cảnh và điều kiện xuất cảnh, nhập cảnh; xác định sự đồng nhất giữa công dân xuất cảnh, nhập cảnh với giấy tờ xuất nhập cảnh; nhập thông tin của công dân xuất cảnh, nhập cảnh vào hệ thống kiểm soát xuất nhập cảnh và bổ sung các thông tin cần thiết; kiểm tra, đối chiếu các thông tin nhân thân trong giấy tờ xuất nhập cảnh

với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam qua kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp qua mạng chuyên dùng; đóng dấu kiểm chứng vào giấy tờ xuất nhập cảnh của công dân xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu cảng.

Đối với cửa khẩu đường hàng không, cửa khẩu biên giới đất liền, đóng dấu kiểm chứng vào giấy tờ xuất nhập cảnh khi công dân Việt Nam đề nghị; thực hiện tạm hoãn xuất cảnh đối với công dân Việt Nam khi có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thu thập thông tin sinh trắc học của công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, dự thảo có nêu đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh thực hiện giám sát xuất nhập cảnh tại khu vực cửa khẩu và các khu vực được quy định tại Điều 4 Thông tư này, có trách nhiệm cụ thể như sau: Điều tiết, hướng dẫn công dân xuất cảnh,

nhập cảnh, bảo đảm trật tự trước các bức kiểm soát; giải đáp đề nghị của công dân (nếu có); giám sát, quản lý công dân xuất cảnh, nhập cảnh và những người được phép ra, vào khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh; phát hiện, ngăn chặn những người không có nhiệm vụ vào khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh; kiểm tra giấy tờ người có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh hoặc vi phạm pháp luật khác vào, ra khu vực kiểm soát xuất nhập cảnh; giám sát người lên, xuống phương tiện; tổ chức công tác tuần tra, kiểm soát tại khu vực cửa khẩu; giám sát việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam...

2. ĐỀ XUẤT KHÔNG SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang lấy ý kiến của nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

Cụ thể, dự thảo Nghị định đề xuất quy định nguyên tắc nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng phải phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu; phải có phương án nuôi, trồng phát triển cây dược liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Bảo đảm duy trì diện tích rừng, chất lượng rừng và mục đích sử dụng của khu rừng; tuân thủ các quy định của Quy chế quản lý rừng và không được làm mất

quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất.

Dự thảo còn quy định đối với rừng đặc dụng: không nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu ở phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh; loài cây trồng phải là loài cây bản địa và đáp ứng điều kiện tại khoản 7 Điều này.

Đối với rừng phòng hộ: không nuôi, trồng phát triển cây dược liệu ở rừng phòng hộ đầu nguồn có độ dốc trên 300 và vùng bờ biển bị xói lở thuộc rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.

Đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên: sử dụng hiệu quả không gian, môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển cây dược liệu, đảm bảo không làm thay đổi mục đích sử dụng của khu rừng và không làm suy thoái rừng. Chỉ được thu hoạch các sản phẩm dược liệu từ các hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo phương án được duyệt; không lợi dụng hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu để thu hoạch cây dược liệu tự nhiên trong rừng; không sơ chế, chế biến cây dược liệu trong rừng. Loài cây dược liệu nuôi, trồng phát triển trong rừng là loài cây bụi, cây thân thảo, nấm, có đặc điểm sinh thái thích hợp với điều kiện lập địa của khu vực, thuộc danh mục loài cây dược liệu quý có giá trị y tế, hiệu quả kinh tế cao do Bộ Y tế ban hành và các loài cây dược liệu có giá trị kinh tế cao ở địa phương. Nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng thực hiện phương thức

trồng theo băng, theo đám, đảm bảo phân bố đều trên lô rừng, tổng diện tích nuôi, trồng không vượt quá 1/3 diện tích lô rừng. Chuyển đổi vị trí canh tác sang vị trí mới sau ba năm đối với loài cây dược liệu có chu kỳ canh tác dưới một năm; sau hai chu kỳ canh tác đối với loài cây dược liệu có chu kỳ canh tác từ một đến dưới ba năm; sau mỗi chu kỳ canh tác đối với loài cây dược liệu có chu kỳ canh tác từ ba năm trở lên.

Bên cạnh đó, dự thảo đề xuất đối với loài cây dược liệu thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Đối với loài cây dược liệu không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, chủ rừng thu hoạch cây dược liệu hoặc tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển cây dược liệu thu hoạch cây dược liệu gửi bản chính Phiếu thông tin thu

hoạch dược liệu lập theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (trường hợp đối tượng thuê môi trường rừng phải có xác nhận của chủ rừng) đến cơ quan Kiểm lâm sở tại để giám sát quá trình thực hiện. Chủ rừng, tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo quy định tại Điều 10 Nghị định này được hưởng toàn bộ sản phẩm thu được trên diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước. Trường hợp tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết với chủ rừng để nuôi, trồng phát triển cây dược liệu thì việc hưởng sản phẩm thu được do các bên tự thỏa thuận trong hợp đồng...

Hiện toàn văn dự thảo đang được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến Nhân dân cũng như bộ, ngành, đơn vị có liên quan hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị gồm bao nhiêu thành viên?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 60 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị do hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bầu gồm từ 03 đến 09 thành viên theo đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có tính chất đặc thù hoặc hoạt động phân tán thì hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có thể quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân nhiều hơn để bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có từ 07 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trở xuống hoặc trong các trường hợp đặc thù thì không tổ chức Ban Thanh tra nhân dân.

2. Hỏi: *Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị?*

Trả lời: Theo khoản 3 Điều 60 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân là 02 năm.

3. Hỏi: *Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị?*

Trả lời: Theo Điều 61 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị cụ thể như sau:

- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị.

- Kiến nghị cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

- Yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

- Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo đề nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở cơ quan, đơn vị.

- Kiến nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền

và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Tham dự các cuộc họp của cơ quan, đơn vị có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

- Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

4. Hỏi: *Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị?*

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 63 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm sau đây:

- Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân về những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động của cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả công tác hằng năm và mục tiêu, phương hướng công tác năm tiếp theo của cơ quan, đơn vị;

- Trực tiếp đối thoại, cung cấp thông tin hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Thanh tra nhân dân;

- Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

- Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị;

- Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật./.